**BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN TỈNH ỦY Số tháng 4/2025**

**Thông Tin**

**PHỤC VỤ LÃNH ĐẠO**

**TRONG SỐ NÀY**

**1.** KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)

**2.** HỌC TẬP SUỐT ĐỜI

**3.** PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN - ĐÒN BẨY CHO MỘT VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

**4.** NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ CẦN THỰC HIỆN ĐỂ ĐẠT MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG 8% CỦA TỈNH TRONG NĂM 2025

**5.** BẾN TRE TẬP TRUNG SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

**6.** NHỮNG VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM VỀ DẠY THÊM, HỌC THÊM THEO THÔNG TƯ SỐ 29/2024/TT-BGDĐT CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**7.** “KHỞI SẮC” CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TRỌNG ĐIỂM CỦA TỈNH

**8.** CÔNG AN BẾN TRE TIÊN PHONG TRONG CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ

**9.** BẾN TRE THÚC ĐẨY CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA PHÁT TRIỂN

**KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)**

Sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 mở rộng (tháng 7/1954) xác định *“Đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới, và hiện đang trở thành kẻ thù chính trực tiếp của nhân dân Đông Dương”[[1]](#footnote-1)*. Trước tình thế mới, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bố trí một số cán bộ, đảng viên ở lại miền Nam để lãnh đạo phong trào đấu tranh, đồng thời thực hiện việc chuyển quân, đưa hàng vạn chiến sĩ, đồng bào, cán bộ ở miền Nam ra Bắc học tập, nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ phục vụ xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cũng như chuẩn bị lực lượng cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam và tái thiết đất nước sau chiến tranh; lãnh đạo quân và dân cả nước thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ vững mạnh của cách mạng cả nước và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam nhằm giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ.

Đầu năm 1961, Tổng thống Mỹ Kennơđi chính thức thông qua chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, thực chất là “dùng người Việt đánh người Việt” với công thức: lực lượng ngụy Sài Gòn cộng vũ khí, trang bị và cố vấn Mỹ. Mỹ dùng quân đội ngụy tay sai làm công cụ tiến hành chiến tranh, càn quét dồn dân vào ấp chiến lược, đưa 10 triệu người dân miền Nam vào các trại tập trung, “Ấp chiến lược”, tách lực lượng cách mạng ra khỏi Nhân dân.

Để đối phó với chiến lược mới của địch, ngày 31/01/1961, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị “*về phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam*”. Ngày 15/02/1961, các tổ chức vũ trang miền Nam đã thống nhất thành “*Quân giải phóng miền Nam Việt Nam*”. Ở miền Bắc, thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, các phong trào thi đua sôi nổi “*Tất cả vì miền Nam ruột thịt*” ở khắp các địa phương, các cấp, các ngành đã đưa cách mạng miền Bắc trở thành căn cứ địa vững chắc, không ngừng tăng cường chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc đấu tranh của Nhân dân miền Nam chuyển sang giai đoạn mới, từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng, kết hợp song song đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, đánh địch bằng cả quân sự và chính trị, kết hợp ba mũi giáp công, trên cả ba vùng chiến lược, làm phá sản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ và tay sai.

Trước những thắng lợi vang dội của quân và dân ta ở cả hai miền Nam - Bắc, chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ đứng trước sự thất bại hoàn toàn, đế quốc Mỹ phải ồ ạt đưa quân đội viễn chinh vào miền Nam Việt Nam để thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

Ngày 20/7/1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi cả nước, Người khẳng định quyết tâm của Nhân dân ta “*dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn*”[[2]](#footnote-2). Ngày 17/7/1966, trong Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước, Người khẳng định “*Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi, Nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn*”[[3]](#footnote-3).

Trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta đánh thắng quân xâm lược Mỹ ngay từ những trận đầu khi chúng vừa đổ bộ vào. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Hội nghị Paris, mở ra cục diện mới vừa đánh vừa đàm.

Nhờ chuẩn bị tốt lực lượng, nắm đúng thời cơ, quân và dân ta đã liên tiếp giành thắng lợi lớn trên chiến trường, nhất là cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai ra miền Bắc bằng máy bay B52 của Mỹ, làm nên chiến thắng oanh liệt *“Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”*, thay đổi cục diện chiến trường, cục diện chiến tranh theo thế có lợi cho ta.

Trong đàm phán, chúng ta cũng khôn khéo tiến công địch, phối hợp chặt chẽ giữa "đánh và đàm", buộc Mỹ phải ký Hiệp định Paris năm 1973 về kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình tại Việt Nam, rút hết quân Mỹ và quân các nước chư hầu Mỹ ra khỏi miền Nam nước ta, làm tương quan lực lượng thay đổi có lợi cho ta, tạo điều kiện cơ bản nhất để tiến tới “đánh cho ngụy nhào”, giành thắng lợi cuối cùng.

Thắng lợi toàn Miền, nhất là của miền Đông Nam Bộ, đặc biệt là chiến thắng Phước Long cuối năm 1974 - đầu năm 1975 càng cho thấy thực tế suy yếu của quân ngụy Sài Gòn và khả năng Mỹ khó đưa quân trở lại Việt Nam. Đảng ta nhận định thời cơ giải phóng miền Nam đã đến, quyết định tiến hành mở cuộc tiến công chiến lược nhằm giải phóng hoàn toàn miền Nam, đồng thời tiến hành giành lại chủ quyền trên các vùng biển, đảo và quần đảo phía Nam của Tổ quốc.

Sau khi hoàn thành chuẩn bị chiến lược cả về thế và lực, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 được tiến hành từ ngày 04/3/1975 với các chiến dịch: Chiến dịch Tây Nguyên, mở đầu bằng trận đột phá chiến lược đánh chiếm Buôn Ma Thuột, giải phóng Tây Nguyên; hai chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng Sài Gòn - Gia Định với nhiều bước phát triển nhảy vọt.

Cùng với giải phóng trên đất liền, Bộ Tổng Tư lệnh ra lệnh nghiên cứu thời cơ để giành lại chủ quyền các đảo, quần đảo do quân đội ngụy Sài Gòn chiếm đóng ở biển Đông, đây là phần lãnh thổ rất quan trọng, có vị trí chiến lược về quân sự và kinh tế không thể tách rời của Tổ quốc. Ngày 14/4/1975, các đơn vị ta nổ súng tiến công các đảo thuộc vùng biển phía Nam của Tổ quốc, trong đó có quần đảo Trường Sa, giành lại chủ quyền các đảo vào ngày 29/4/1975.

Từ ngày 30/4 đến đầu tháng 5/1975, bộ đội chủ lực và các lực lượng vũ trang tiến công, kết hợp với sự nổi dậy của quần chúng nhân dân đã giải phóng hoàn toàn các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, vùng biển, giải phóng Côn Đảo, Phú Quốc và các đảo ở vùng biển Tây Nam Tổ quốc.

Sau khi đất nước thống nhất, nước ta phải đối mặt với những hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh để lại. Một sự kiện quan trọng diễn ra sau ngày miền Nam giải phóng là cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc, giữ vững độc lập, chủ quyền, lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc; đồng thời, làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả.

Phát huy tinh thần yêu nước, tự lực tự cường cùng ý chí quyết tâm, bản lĩnh, sáng tạo vượt qua mọi khó khăn, thách thức, nắm bắt thuận lợi, thời cơ; sau gần 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo nhiều dấu ấn nổi bật trên tất cả các lĩnh vực.

Việt Nam giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữ vững vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, bảo đảm vai trò quản lý hiệu quả của Nhà nước, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của Nhân dân.Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ. Năng suất lao động liên tục tăng, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao rõ rệt. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế... đều có sự phát triển vượt bậc, định hình hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam. Chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội; chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách người có công, chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài... được thực hiện đồng bộ, đạt kết quả tích cực. Hội nhập quốc tế ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả, đạt nhiều thành tựu quan trọng, có ý nghĩa chiến lược và lâu dài, tạo cục diện đối ngoại mới, rộng mở, thuận lợi cho an ninh và phát triển, nâng cao vị thế đất nước, thể hiện vai trò tiên phong trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động nguồn lực bên ngoài cho phát triển đất nước…

Kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước là dịp chúng ta ôn lại những trang sử hào hùng của dân tộc, nhìn lại chặng đường xây dựng và phát triển đất nước; đồng thời nhận thức sâu sắc hơn giá trị, những bài học kinh nghiệm được tổng kết từ trong thực tiễn đấu tranh của dân tộc để tiếp thêm sức mạnh, ý chí quyết tâm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đưa những thành tựu vẻ vang trong quá khứ thành động lực để thực hiện sứ mệnh lịch sử trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình, phát triển phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, thịnh vượng của dân tộc Việt Nam.

**Ban Tuyên giáo Trung ương**

**HỌC TẬP SUỐT ĐỜI**

*Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm có bài viết với tiêu đề "Học tập suốt đời". Ban biên tập trân trọng giới thiệu toàn văn bài viết của đồng chí Tổng Bí thư.*

Cách mạng khoa học công nghệ đã và đang diễn ra mạnh mẽ trên quy mô toàn cầu, tạo nên sự biến cách to lớn trong đời sống xã hội, đặt ra những yêu cầu mới, nhu cầu mới, nhiệm vụ mới, suy nghĩ mới, hành động mới với mỗi người dân Việt Nam, đặc biệt đối với cán bộ, đảng viên của hệ thống chính trị trên con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhất là tận dụng tối đa thời cơ, vận hội, đi tắt đón đầu, đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên phát triển, giàu mạnh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Để thực hiện thắng lợi yêu cầu, nhiệm vụ, trọng trách trong giai đoạn mới, học tập suốt đời để dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám hy sinh vì lợi ích chung, để trở thành những người hữu dụng đang là đòi hỏi cấp thiết đối với từng cá nhân, mỗi công dân, đặc biệt là những cán bộ, nhân viên trong hệ thống chính trị.

Học tập suốt đời không phải là vấn đề mới. Ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động phong trào toàn dân, toàn quân xóa nạn mù chữ, Người căn dặn: "… *Muốn biết thì phải thi đua học. Học không bao giờ cùng. Học mãi để tiến bộ mãi. Càng tiến bộ, càng thấy càng phải học thêm"*; "*Xã hội càng đi tới, công việc càng nhiều, máy móc càng tinh xảo. Mình mà không chịu học thì lạc hậu, mà lạc hậu là bị đào thải, tự mình đào thải mình"*. Trong các giai đoạn cách mạng, đặc biệt trong những năm đổi mới, Đảng ta luôn quan tâm, khuyến khích học tập suốt đời và xây dựng cả nước thành xã hội học tập. Chủ trương học tập suốt đời được đề cập trong nhiều Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Đảng như Nghị quyết Trung ương 4 khoá VII về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000, Kết luận số 14-KL/TW, ngày 26/7/2002, Hội nghị Trung ương 6 khoá IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X, XI, Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế", Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII khẳng định "Thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời bởi "Người Cách mạng phải học suốt đời, học trong sách vở, học lẫn nhau và học từ nhân dân; "bể học" mênh mông, không bao giờ cạn.

Thực hiện các quan điểm, chủ trương của Đảng, việc xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời đã trở thành phong trào, thành nhu cầu, thành nếp văn hóa và đạt nhiều kết quả quan trọng. Theo đó, đã hình thành hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất từ giáo dục mầm non đến đào tạo sau đại học; các loại hình trường, lớp, loại hình đào tạo được đa dạng hóa, mang lại cơ hội học tập cho người dân ở mọi lứa tuổi. Phương thức cung ứng, kết nối giữa các trình độ đào tạo được cải thiện; mạng lưới, quy mô giáo dục mở rộng khắp các vùng, miền của đất nước; các phong trào thi đua khuyến học, khuyến tài từng bước đi vào chiều sâu, thực chất hơn ở hầu khắp các địa phương; môi trường giáo dục lành mạnh, học đi đôi với hành, gắn với cuộc vận động xóa đói, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa, gia đình văn hóa. Trong nhiều dòng họ, làng, xã, thôn, bản phong trào thi đua học tập phát triển mạnh. Ý thức học tập suốt đời đã và đang thấm sâu vào từng gia đình, từng khu dân cư, từng cơ sở đào tạo, từng vùng, miền... Đã có nhiều tấm gương tiêu biểu là nông dân, người lao động, cán bộ, giáo viên tích cực tự học, sáng tạo trong lao động, công tác, có nhiều đóng góp cho cộng đồng; nhiều tấm gương tiêu biểu trong áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, có nhiều nghiên cứu, sáng kiến giải pháp hiệu quả mang tính ứng dụng cao trong thực tiễn, trong sản xuất và đời sống; nhiều người lớn tuổi nhờ tự học, tự nghiên cứu áp dụng kiến thức, kinh nghiệm để sản xuất đã giúp gia đình thoát nghèo, xây dựng đời sống văn hóa mới và đóng góp cho kinh tế-xã hội ở địa phương. Những mô hình mới, những tấm gương sáng về tinh thần học không bao giờ muộn, có nhiều người ở tuổi "thất thập cổ lai hy" những vẫn theo học cao học, làm luận án tiến sĩ chỉ với mục đích học để làm gương cho con cháu noi theo và khuyên con cháu "học, học nữa, học mãi"; *"Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, phụng sự giai cấp và nhân dân, phụng sự Tổ quốc và nhân loại"*, góp phần để đất nước ta đạt được những thành tựu vĩ đại sau gần 40 năm đổi mới.

Bên cạnh kết quả, thực hiện chủ trương học tập suốt đời vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Đào tạo, bồi dưỡng còn chạy theo số lượng mà chưa thực sự chú trọng tới chất lượng; việc tự học, thực học và học tập suốt đời của đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa đạt kết quả như mong muốn; còn tình trạng học theo phong trào, sính bằng cấp mà chưa thực sự căn cứ vào đòi hỏi thực tiễn, ngại khó, ngại khổ trong học tập, không đào sâu suy nghĩ để vươn lên chinh phục những đỉnh cao trong khoa học. Tình trạng hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ, chủ nghĩa cá nhân, bệnh kinh nghiệm trong một bộ phận cán bộ, đảng viên ảnh hưởng đến chất lượng thực thi công vụ, chất lượng phục vụ Nhân dân; ảnh hưởng đến tinh thần dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; triệt tiêu động lực đổi mới, sáng tạo, không đủ nền tảng kiến thức và tự tin về năng lực đề xuất và thực hiện những sáng kiến, giải pháp đột phá. Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thỏa mãn với kiến thức đã học trong các trường lớp, cơ sở đào tạo, hoặc chạy theo việc học để hoàn thiện bằng cấp đủ điều kiện thăng tiến, không chịu nghiên cứu, học hỏi thường xuyên để nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý, kiến thức, kỹ năng hội nhập và khả năng thích ứng... Một bộ phận biểu hiện ngại học, không có khái niệm học thường xuyên, học suốt đời nên trở thành lạc hậu, bảo thủ, không thích nghi và bắt nhịp với "guồng quay" hối hả của nhịp sống "vũ bão" thời khoa học và công nghệ 4.0 và X.0.

Đất nước đang đứng trước thời cơ, vận hội mới để vươn mình, để "sánh vai" với thế giới như ước nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh và khát vọng của toàn dân tộc. Đảng ta không có lợi ích nào khác ngoài đưa đất nước, dân tộc bước vào xã hội giàu mạnh, người dân ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển; hơn lúc nào hết, chúng ta cần có những cán bộ có tư duy, tầm nhìn, việc làm đột phá, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám hy sinh, đặc biệt trong thực hiện các cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy tinh-gọn-mạnh; hiệu năng-hiệu lực-hiệu quả và thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Cách mạng 4.0 đang diễn ra với quy mô và tốc độ chưa từng có, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế tri thức, chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số khiến một phần nội dung giảng dạy tại nhà trường hôm nay có thể thành lạc hậu, lỗi thời sau vài năm; hơn thế, những điều phổ biến hiện nay thì 10 năm trước còn chưa xuất hiện và có 65% những công việc hiện nay sẽ bị thay thế bởi công nghệ trong những năm tới. Với thế giới phức tạp, không ổn định và biến đổi khôn lường, tri thức phải không ngừng được bổ sung, tuổi thọ con người dài hơn, thời gian về hưu đủ dài, buộc người cao tuổi phải học và hoạt động để không bị lạc hậu với xã hội hiện đại.

Trong bối cảnh đó, học tập suốt đời trở thành một quy luật sống; không chỉ giúp mỗi cá nhân nhận biết, thích nghi, không tụt hậu trước sự biến đổi từng ngày của thế giới hiện tại, làm giàu trí tuệ, hoàn thiện nhân cách, vượt qua khó khăn, thử thách để ngày càng tiến bộ và định vị bản thân trong xã hội hiện đại; cao hơn, đây là chìa khoá quan trọng để nâng cao dân trí và đào tạo nhân lực, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, là con đường duy nhất, hướng đi tất yếu của mọi quốc gia để đảm bảo sự phát triển thịnh vượng, bền vững. Học tập suốt đời giúp mỗi thành viên trong xã hội có đủ điều kiện và cơ hội tự hoàn thiện mình, nâng cao chất lượng cuộc sống của chính mình, của gia đình, họ tộc, thôn, xóm, phường, xã và cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng trên con đường trở thành nước dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và xã hội chủ nghĩa.

Chỉ khi đẩy mạnh thực chất học tập suốt đời, chúng ta mới giàu có những ý tưởng, giải pháp, sáng kiến để giải quyết những đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn, những vấn đề mới, chưa có tiền lệ; khắc phục triệt để những "điểm nghẽn" trong cơ chế, chính sách, biểu hiện hình thức trong tự phê bình và phê bình; xóa bỏ tình trạng trì trệ, lúng túng trong giải quyết công việc tại các địa phương, cơ quan, đơn vị; tạo ra được đội ngũ cán bộ dũng cảm, nhận thức đúng quy luật khách quan, chủ động suy nghĩ và làm chủ suy nghĩ, dám nói những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn, từ cuộc sống sinh động, từ đòi hỏi của đổi mới và yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân; có quyết tâm, dám chịu trách nhiệm về kết quả công việc, lĩnh vực, ngành mà mình đảm trách, dám nhận lỗi, sửa sai, chịu trách nhiệm trước dân, trước Đảng, biết làm chủ bản thân và công việc; dám chống lại những sự vinh hoa, phú quý không chính đáng và nếu cần, dám hy sinh lợi ích cá nhân vì Đảng, vì Tổ quốc và nhân dân. Khi đó, chúng ta sẽ xây dựng thành công đội ngũ cán bộ có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, có khát vọng vươn lên, khát vọng phát triển, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm về những quyết định của mình để hiện thực hoá nhiệm vụ cách mạng, tạo ra đột phá vì lợi ích của nhân dân, vì sự phát triển của đất nước.

Xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời chỉ thành công khi mỗi công dân ý thức được trách nhiệm của bản thân mình đối với việc tự học tập suốt đời; mỗi cán bộ, đảng viên luôn ý thức rõ học tập suốt đời là nhiệm vụ cách mạng với thái độ nghiêm túc và ý thức tự giác cao. Qua học tập suốt đời để nhận thức được trách nhiệm đối với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong từng giai đoạn, thời điểm cụ thể; có năng lực làm chủ, năng lực tổ chức cuộc sống; để không ngừng tiến bộ, có sức khoẻ, có chất lượng sống tốt hơn; hiểu biết, giữ gìn và góp phần xây dựng truyền thống văn hóa dân tộc; tin tưởng vào tương lai đất nước, vào đường lối và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, có khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Mỗi công dân cần không ngừng học tập về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp, kinh nghiệm làm việc và khả năng phối hợp trong tập thể để nâng cao tính kỷ luật của tổ chức, năng suất lao động và phát huy sức mạnh tổng hợp; mỗi cán bộ, đảng viên cần học về tư cách người cán bộ cách mạng, học ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân; không ngừng tự học tập, tự cập nhật kiến thức mới, tham gia tích cực phong trào "học tập số", phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học công nghệ, kiến thức số; tích cực tuyên truyền, vận động người thân, gia đình, dòng họ tự học tập suốt đời. Qua học tập suốt đời để hoàn thành được mọi nhiệm vụ mà Đảng, cách mạng và nhân dân giao phó.

Mỗi cấp ủy, tổ chức chính trị - xã hội, hội nghề nghiệp cần nhận thức rõ mục tiêu chính của học tập suốt đời là phát triển con người xã hội chủ nghĩa, từ đó xác định các nội dung học tập suốt đời cho cán bộ, đảng viên, thành viên gắn với phát động thi đua, đánh giá, biểu dương, khen thưởng. Đảng, Nhà nước sẽ sớm tổng kết, đánh giá, nghiên cứu ban hành quy định, quy trình, đổi mới quan điểm đánh giá, sàng lọc, quy hoạch đội ngũ cán bộ, nhằm xây dựng hoàn chỉnh bộ máy công quyền trong sạch, vững mạnh, hết lòng, hết sức phục vụ Nhân dân; bảo vệ cán bộ sẵn sàng đi tiên phong, sẵn sàng "vượt rào" đột phá vì lợi ích chung. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục theo định hướng mở, linh hoạt, liên thông, tạo cơ hội học tập suốt đời cho mọi công dân và thực hiện đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động. Có các giải pháp cụ thể nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò, ý nghĩa của học tập suốt đời và sự đóng góp của học tập suốt đời đối với nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh của nguồn nhân lực quốc gia. Theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện thí điểm các đề xuất đổi mới, sáng tạo; chủ động phát hiện những vấn đề nảy sinh, kịp thời động viên, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc hoặc xem xét, điều chỉnh, có quyết định phù hợp với tình hình thực tế; có chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với cán bộ thực hiện thí điểm mà kết quả không đạt hoặc chỉ đạt được một phần mục tiêu đề ra hoặc gặp rủi ro, xảy ra thiệt hại do nguyên nhân khách quan.

Chúng ta đang sống trong thời đại mà tri thức, kiến thức, hiểu biết sẽ giúp con người phát huy cao độ tiềm năng để tận dụng tốt các cơ hội, ứng phó hiệu quả với những thách thức để phát triển bền vững; cũng là thời đại mà khối lượng kiến thức của nhân loại tăng lên hằng ngày theo cấp số nhân. Chỉ khi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, nhà nhà, người người thực hiện hiệu quả học tập suốt đời, xây dựng được đội ngũ cán bộ dám làm, dám nói, dám chịu trách nhiệm, dám hy sinh, chúng ta mới vững vàng tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phát triển, giàu mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng.

**(Theo Chinhphu.vn)**

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN - ĐÒN BẨY CHO MỘT VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**

*Ban biên tập trân trọng giới thiệu bài viết: "Phát triển kinh tế tư nhân - đòn bẩy cho một Việt Nam thịnh vượng" của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm.*

Chặng đường gần 40 năm đổi mới đã ghi dấu một Việt Nam kiên cường, bứt phá và khát khao phát triển. Từ một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, kém hiệu quả, với thu nhập bình quân đầu người vẻn vẹn 96 USD vào năm 1989, Việt Nam đã vươn lên mạnh mẽ, dự kiến cuối năm 2025, sẽ bước vào nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình cao, tương đương mức trên 5.000 USD/ người/ năm. Kỳ tích này không chỉ là kết quả của đường lối phát triển đúng đắn dưới sự lãnh đạo của Đảng với những cải cách táo bạo, quyết đoán về thể chế, chính sách và hội nhập mà còn là thành quả của tinh thần lao động chăm chỉ, sáng tạo, ý chí quyết tâm và sự nỗ lực không ngừng của toàn dân tộc ta.

Điều đáng tự hào hơn nữa là tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam luôn cao gấp đôi mức trung bình của các quốc gia đang phát triển, bất chấp những biến động kinh tế toàn cầu. Từ một nền kinh tế nghèo nàn, phụ thuộc vào viện trợ quốc tế, Việt Nam đã không ngừng bứt phá mạnh mẽ để trở thành nền kinh tế lớn thứ 24 thế giới tính theo sức mua tương đương (PPP). Những thành tựu đạt được không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà còn bao gồm những tiến bộ to lớn về xã hội, góp phần mang lại đời sống ngày càng ấm no, hạnh phúc cho Nhân dân.

Thành công này có sự đóng góp rất quan trọng của khu vực kinh tế tư nhân. Nếu như trong giai đoạn đầu đổi mới, kinh tế tư nhân chỉ giữ vai trò thứ yếu, nền kinh tế chủ yếu dựa vào khu vực nhà nước và vốn đầu tư nước ngoài (FDI), thì trong hai thập niên trở lại đây, nhất là khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 09 năm 2011 và Trung ương ban hành Nghị quyết 10 năm 2017 về phát triển kinh tế tư nhân, khu vực kinh tế này đã trỗi dậy mạnh mẽ, trở thành một trong những trụ cột quan trọng hàng đầu của nền kinh tế và ngày càng thể hiện là động lực quan trọng nhất để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế quốc gia. Với gần một triệu doanh nghiệp, khoảng 5 triệu hộ kinh doanh cá thể, khu vực kinh tế tư nhân hiện đóng góp khoảng 51% GDP, hơn 30% ngân sách nhà nước, tạo ra hơn 40 triệu việc làm, chiếm hơn 82% tổng số lao động trong nền kinh tế, đóng góp gần 60% vốn đầu tư toàn xã hội.

Kinh tế tư nhân không chỉ giúp mở rộng sản xuất, thương mại, dịch vụ mà còn góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và gia tăng năng lực cạnh tranh quốc gia. Sự vươn lên mạnh mẽ của nhiều doanh nghiệp tư nhân Việt Nam không chỉ làm chủ thị trường nội địa mà còn khẳng định thương hiệu trên thị trường quốc tế. Điều này chứng tỏ rằng nếu có môi trường phát triển thuận lợi, doanh nghiệp Việt Nam hoàn toàn có thể vươn xa, cạnh tranh sòng phẳng với thế giới.

Tuy nhiên, dù đóng góp ngày càng lớn, kinh tế tư nhân hiện vẫn đối mặt với nhiều rào cản kìm hãm sự phát triển, không thể bứt phá về quy mô và năng lực cạnh tranh. Nhiều hộ kinh tế cá thể vẫn theo nếp kinh doanh cũ, thiếu động lực phát triển thành doanh nghiệp, thậm chí "không muốn lớn". Phần lớn doanh nghiệp tư nhân Việt Nam thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, tiềm lực tài chính và trình độ quản trị hạn chế, thiếu sự kết nối với nhau cũng như với khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài; chưa tận dụng tốt các cơ hội mà cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại, vẫn chậm chuyển đổi số, rất ít doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D), ít chú trọng đổi mới mô hình kinh doanh, đổi mới công nghệ hoặc sáng tạo sản phẩm mới. Vì vậy, rất khó nâng cao giá trị gia tăng, thúc đẩy năng lực cạnh tranh, nâng tầm giá trị doanh nghiệp và vươn tới đẳng cấp quốc tế.

Ngoài những hạn chế nội tại, các doanh nghiệp tư nhân còn gặp nhiều rào cản trong tiếp cận nguồn lực, đặc biệt là vốn tín dụng, đất đai, tài nguyên và nhân lực chất lượng cao, nhất là trong các ngành công nghệ, kỹ thuật và tài chính. Trong khi đó, một số doanh nghiệp nhà nước nắm giữ nhiều tài nguyên, đất đai, nguồn vốn, nguồn nhân lực chất lượng nhưng lại chưa khai thác hiệu quả, thậm chí còn để lãng phí. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật còn nhiều bất cập, chồng chéo, môi trường kinh doanh nhiều trở ngại, thủ tục hành chính phức tạp, tốn nhiều thời gian, chi phí và tiềm ẩn rủi ro. Nhiều trường hợp quyền tự do kinh doanh và quyền tài sản vẫn bị xâm hại bởi sự yếu kém hoặc lạm quyền của một số cán bộ công chức trong thực thi công vụ.

Mặt khác, các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Chính phủ chưa thực sự hiệu quả và công bằng giữa các khu vực kinh tế và không dễ tiếp cận đối với kinh tế tư nhân. Trong nhiều trường hợp, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nước ngoài vẫn nhận được nhiều ưu đãi hơn so với khu vực tư nhân. Doanh nghiệp nhà nước thường thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai, vốn, tín dụng; trong khi doanh nghiệp nước ngoài thường được hỗ trợ tốt hơn về thuế, thủ tục hải quan, và cả tiếp cận đất đai. Ngoài ra, hiện tượng nhũng nhiễu, chi phí không chính thức vẫn còn tồn tại, tạo ra một gánh nặng vô hình đối với doanh nghiệp tư nhân, làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh và gây tâm lý e ngại khi mở rộng đầu tư.

Rõ ràng, những hạn chế phát triển của doanh nghiệp tư nhân xuất phát một phần từ những bất cập của hệ thống thể chế và chính sách kinh tế và môi trường kinh doanh. Những điểm nghẽn này không chỉ kìm hãm tốc độ tăng trưởng của khu vực kinh tế tư nhân, khiến tỷ trọng đóng góp của khu vực này trong GDP gần như không thay đổi trong hơn một thập kỷ qua, mà còn cản trở nền kinh tế nâng cao giá trị gia tăng, thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình, làm chậm tiến trình đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao vào năm 2045 theo mục tiêu Nghị quyết của Đảng và kỳ vọng của Nhân dân.

Hướng đến tầm nhìn chung của đất nước, kinh tế tư nhân cũng cần xác định rõ hơn về sứ mạng và tầm nhìn của mình. Kinh tế tư nhân phải là lực lượng tiên phong trong kỷ nguyên mới, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa nền kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh quốc gia, có trách nhiệm xã hội, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, tham gia xây dựng xã hội văn minh, hiện đại và góp phần xây dựng một Việt Nam năng động và hội nhập quốc tế. Kinh tế tư nhân cần phấn đấu trở thành lực lượng chủ lực, đi đầu trong ứng dụng công nghệ và đổi mới, sáng tạo, để đạt mục tiêu đóng góp khoảng 70% GDP vào năm 2030; ngày càng nhiều doanh nghiệp tư nhân có năng lực cạnh tranh toàn cầu, làm chủ công nghệ và hội nhập sâu rộng vào chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng quốc tế; cùng cả nước xây dựng nên một Việt Nam năng động, độc lập, tự chủ, tự cường và phát triển thịnh vượng.

Để khu vực kinh tế tư nhân có thể thực hiện được sứ mệnh và hiện thực hóa được tầm nhìn đầy khát vọng đó, yếu tố quan trọng nhất chính là cần tiếp tục có những cải cách đột phá về thể chế, chính sách và môi trường kinh doanh để kinh tế tư nhân có thể phát huy tối đa tiềm năng, trở thành động lực dẫn dắt nền kinh tế vươn ra thị trường quốc tế. Một nền kinh tế cường thịnh không thể chỉ dựa vào khu vực nhà nước hay đầu tư nước ngoài, mà phải dựa vào nội lực là khu vực tư nhân vững mạnh, đóng vai trò tiên phong trong đổi mới và phát triển đất nước. Nền kinh tế quốc gia chỉ thực sự cường thịnh khi toàn dân tham gia lao động tạo ra của cải vật chất, một xã hội mà người người, nhà nhà, ai cũng hăng say lao động.

Trước yêu cầu đó, chúng ta cần phải quán triệt lại định hướng quan điểm và nhận thức trong cả hệ thống chính trị về vai trò của kinh tế tư nhân như là động lực tăng trưởng quan trọng hàng đầu của đất nước. Điều này đòi hỏi một sự thay đổi căn bản trong hoạch định chính sách, khắc phục những hạn chế và phát huy tính ưu việt của cơ chế thị trường để hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân nâng cao năng suất lao động và đổi mới sáng tạo. Nhà nước phải có phương thức quản lý phù hợp với cơ chế thị trường, bảo đảm quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền cạnh tranh bình đẳng của kinh tế tư nhân; xóa bỏ mọi rào cản, minh bạch hóa chính sách, loại bỏ lợi ích nhóm trong hoạch định chính sách và phân bổ nguồn lực, không phân biệt đối xử giữa khu vực kinh tế tư nhân với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong mọi chính sách. Đồng thời, nhất quán quan điểm "mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm", xây dựng chính sách làm yên lòng các nhà đầu tư, doanh nghiệp và doanh nhân, cần tạo dựng niềm tin mạnh mẽ hơn giữa Nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân, qua đó khuyến khích doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư, đổi mới sáng tạo và tham gia vào các lĩnh vực kinh tế có tính chiến lược.

Nghị quyết sắp tới của Bộ Chính trị về kinh tế tư nhân cần khuyến khích, hỗ trợ và định hướng sự phát triển của kinh tế tư nhân, phải tạo ra một động lực đột phá, mở ra kỷ nguyên vươn mình của doanh nghiệp tư nhân Việt Nam. Cần xác định phát triển kinh tế tư nhân là chiến lược, chính sách lâu dài của quốc gia. Kinh tế tư nhân cùng với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể là tập hợp nòng cốt để xây dựng nền kinh tế tự chủ, tự lực, tự cường. Trong đó tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm sau đây:

**Thứ nhất là tiếp tục đẩy nhanh việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đầy đủ, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hiện đại, năng động và hội nhập.**Đây là điều kiện tiên quyết để khu vực kinh tế tư nhân có thể phát triển nhanh và bền vững. Để đạt được điều này, Nhà nước cần tập trung vào ổn định kinh tế vĩ mô, hoàn thiện thể chế, đảm bảo nền kinh tế vận hành theo nguyên tắc thị trường, giảm thiểu sự can thiệp và xóa bỏ các rào cản hành chính, cơ chế xin – cho, thực sự quản lý kinh tế theo nguyên tắc thị trường và sử dụng các công cụ thị trường để điều tiết nền kinh tế. Đặc biệt, cần kiểm soát chặt chẽ tình trạng doanh nghiệp độc quyền và thao túng chính sách, bảo vệ cạnh tranh lành mạnh, đảm bảo doanh nghiệp tư nhân có cơ hội bình đẳng để phát triển. Điểm cốt lõi của hoàn thiện thế chế kinh tế thị trường là phân định mạch lạc vai trò của nhà nước trong nền kinh tế, theo đó Nhà nước tập trung vào điều tiết vĩ mô, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bảo đảm cơ chế thị trường vận hành hiệu quả, bảo đảm công bằng xã hội. Phải coi nhiệm vụ thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân là nhiệm vụ trọng tâm của chúng ta hiện nay.

**Thứ hai là bảo vệ hữu hiệu quyền tài sản, quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh và bảo đảm thực thi hợp đồng của doanh nghiệp tư nhân.**Một trong những chức năng của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường hiện đại là bảo vệ quyền sở hữu tài sản của nhà đầu tư. Do đó, Nhà nước cần xây dựng và thực thi cơ chế pháp lý chặt chẽ về bảo vệ quyền sở hữu tài sản, trong đó có quyền sở hữu trí tuệ và tài sản vô hình; giảm thiểu rủi ro pháp lý, hạn chế tối đa tình trạng thay đổi chính sách đột ngột gây tổn thất cho doanh nghiệp. Tạo lập cơ chế hỗ trợ và bảo vệ nhà đầu tư tư nhân, nhất là các doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, giúp họ an tâm và phát triển thuận lợi. Ngoài ra, một nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa (XHCN) hiện đại đòi hỏi một hệ thống thực thi hợp đồng minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, giúp doanh nghiệp yên tâm trong các giao dịch thương mại và đầu tư. Để thực hiện điều này, Nhà nước cần cải cách hệ thống tư pháp thương mại, rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng, giảm thiểu chi phí và rủi ro cho doanh nghiệp, giảm tình trạng hợp đồng bị vi phạm mà không có biện pháp chế tài hiệu quả; tăng cường tính minh bạch và hiệu quả của tòa án kinh tế, trọng tài thương mại, đảm bảo phán quyết công bằng, khách quan, giúp doanh nghiệp bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình. Tăng cường giám sát thực thi pháp luật, khắc phục tình trạng thiếu nhất quán giữa Trung ương và địa phương; xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng thanh kiểm tra để nhũng nhiễu, gây khó cho doanh nghiệp, tăng cường đầu tư, hỗ trợ kinh tế tư nhân phát triển. Đồng thời kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp; yêu cầu doanh nghiệp nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, xây dựng giá trị, đạo đức kinh doanh nhằm thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển lành mạnh.

**Thứ ba là, bên cạnh việc phải củng cố mạnh mẽ khu vực doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn kinh tế nhà nước; cần ưu tiên xây dựng các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu, tích cực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời nâng đỡ thành phần kinh tế hộ, kinh tế hợp tác; khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia vào các lĩnh vực chiến lược của đất nước:**thực hành quan điểm kinh tế tư nhân đóng vai trò quan trọng trong cấu trúc kinh tế thị trường định hướng XHCN, loại bỏ tư tưởng "Trọng công hơn tư" và sự "độc quyền" của doanh nghiệp nhà nước trong một số lĩnh vực.Hình thành và phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, mạnh, có năng lực cạnh tranh quốc tế, có sứ mệnh dẫn dắt, hỗ trợ trở lại các doanh nghiệp nội địa khác cùng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Đồng thời phải có chính sách riêng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển, cũng như thành phần kinh tế hộ gia đình và kinh tế hợp tác xã, khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp và phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới, hiệu quả. Để kinh tế tư nhân không chỉ phát triển về quy mô mà còn đóng góp tích cực vào sự phát triển dài hạn của đất nước, cần khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia các lĩnh vực chiến lược, phát triển cơ sở hạ tầng quan trọng, công nghệ cao, công nghiệp mũi nhọn và an ninh năng lượng. Mở rộng cơ hội cho doanh nghiệp tư nhân trong các dự án quan trọng quốc gia, cùng tham gia với Nhà nước trong một số ngành công nghiệp chiến lược và một số lĩnh vực đặc biệt, nâng cao năng lực nghiên cứu và đổi mới công nghệ. Nhà nước có cơ chế chính sách giao đặt hàng khu vực kinh tế tư nhân tham gia vào một số dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, những nhiệm vụ cấp bách như xây dựng đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, công nghiệp quốc phòng, an ninh...

**Thứ tư là thúc đẩy làn sóng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ mới.**Đây là yếu tố then chốt giúp kinh tế tư nhân bứt phá và vươn tầm quốc tế. Cần có những chính sách hỗ trợ mạnh mẽ và hiệu quả để thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân ứng dụng công nghệ, đổi mới sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng. Nhà nước cần tạo khung pháp lý thử nghiệm (sandbox) cho các lĩnh vực công nghệ mới, khuyến khích doanh nghiệp tư nhân đầu tư vào các lĩnh vực tiên phong như trí tuệ nhân tạo, blockchain, dữ liệu lớn, thương mại điện tử, công nghệ tài chính (fintech) và y tế thông minh... Triển khai các chính sách hỗ trợ tài chính và ưu đãi thuế cho doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu phát triển (R&D). Hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp mạnh mẽ, tạo điều kiện cho các startup, các "kỳ lân công nghệ" mang tên Việt Nam vươn tầm quốc tế.

**Thứ năm là cải cách thể chế, kiến tạo nền hành chính "phục vụ doanh nghiệp-phụng sự đất nước":**Cần quyết liệt cải cách thể chế trên nền tảng đổi mới tư duy trong cải cách mạnh mẽ nền hành chính hướng đến phục vụ người dân, doanh nghiệp; quyết đoán trong cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, đẩy nhanh quá trình số hóa và ứng dụng công nghệ trong quản lý nhà nước nhằm giảm thời gian, chi phí tuân thủ, chi phí không chính thức; thiết lập cơ chế đối thoại, phản biện chính sách hiệu quả, tạo điều kiện để cộng đồng doanh nghiệp tư nhân tham gia góp ý vào quá trình hoạch định chính sách kinh tế, đảm bảo tính thực tiễn và khả thi cao. Phấn đấu trong vòng 3 năm tới, môi trường kinh doanh của Việt Nam nằm trong Top 3 ASEAN.

**Thứ sáu là giải phóng tối đa các nguồn lực phát triển cho kinh tế tư nhân, tạo cơ hội cho kinh tế tư nhân tiếp cận hiệu quả các nguồn lực quan trọng như vốn, đất đai, nhân lực, công nghệ. Thúc đẩy kinh tế tư nhân hội nhập sâu rộng hơn nữa vào kinh tế toàn cầu, nâng cao vị thế kinh tế Việt Nam trên trường quốc tế, bảo vệ doanh nghiệp trước các rủi ro kinh tế.** Cần có những chính sách hỗ trợ hiệu quả hơn để kinh tế tư nhân tiếp cận nguồn lực một cách thuận lợi, công bằng, bình đẳng, minh bạch và hiệu quả, có thể khai thác và sử dụng tối ưu các nguồn lực này. Phát triển các kênh huy động vốn cho doanh nghiệp tư nhân, bao gồm thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ bảo lãnh tín dụng và các hình thức tài chính hiện đại như fintech, huy động vốn cộng đồng; xây dựng chính sách đất đai ổn định, minh bạch, tạo điều kiện để doanh nghiệp tư nhân tiếp cận quỹ đất thuận lợi, với giá hợp lý.

Nhà nước cần định hướng, hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp tư nhân Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, thu hút mạnh mẽ dòng vốn đầu tư và công nghệ tiên tiến, hình thành đội ngũ doanh nhân có tư duy toàn cầu. Đặc biệt, cần có chính sách khuyến khích và định hướng doanh nghiệp tư nhân đầu tư vào công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp hóa nông nghiệp, công nghệ cao, thay vì tập trung quá nhiều vào bất động sản và các lĩnh vực có tính đầu cơ ngắn hạn. Xây dựng cơ chế, chính sách bảo vệ doanh nghiệp tư nhân trước những cú sốc kinh tế, nhất là trong bối cảnh bất ổn toàn cầu, suy thoái kinh tế và biến động thị trường.

**Thứ bảy là phát triển kinh tế tư nhân trên nền tảng bền vững, có đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội:**Nhà nước thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên nền tảng ổn định kinh tế vĩ mô, gắn chặt với chiến lược phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn, tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải và bảo vệ môi trường. Các doanh nghiệp tư nhân cần chủ động thực hiện trách nhiệm xã hội, không chỉ dừng lại ở việc đóng góp tài chính hay từ thiện, mà còn thể hiện qua các chính sách kinh doanh có trách nhiệm, chăm lo đời sống người lao động, hỗ trợ phát triển cộng đồng; và thực hành quản trị minh bạch, hiệu quả, xây dựng văn hóa kinh doanh dựa trên đạo đức, chống gian lận, đảm bảo công bằng với khách hàng, đối tác và người lao động. Ngoài ra, doanh nghiệp tư nhân cần chủ động tham gia các chương trình an sinh xã hội cùng Nhà nước, góp phần nâng cao phúc lợi xã hội, giảm khoảng cách giàu nghèo, góp phần xây dựng một xã hội văn minh, nhân văn, giàu đẹp, nơi lợi ích doanh nghiệp gắn liền với sự thịnh vượng chung của đất nước.

Kinh tế tư nhân góp phần rất quan trọng định hình tương lai của nền kinh tế Việt Nam. Chúng ta đều tin tưởng rằng, nếu Nhà nước có thể chế phù hợp, chính sách đúng đắn và môi trường kinh doanh thuận lợi, kinh tế tư nhân sẽ được ươm dưỡng để sinh trưởng khỏe mạnh, bứt phá mạnh mẽ, không chỉ giúp kinh tế đạt được tốc độ tăng trưởng cao mà còn sớm đưa nước ta thành nền kinh tế thu nhập cao trong hai thập niên tới. Đây chính là thời điểm để hành động, để kiến tạo một Việt Nam thịnh vượng, năng động và ngày một vươn xa trên trường quốc tế.

Chúng ta đang sống trong thời khắc lịch sử, chứng kiến sự phát triển chưa từng có của khoa học công nghệ và môi trường quốc tế đầy biến động, vừa hợp tác vừa đấu tranh, nơi mà cơ hội và thách thức luôn song hành. Nhưng với bản lĩnh kiên cường, với ý chí quyết tâm và khát vọng cháy bỏng, Việt Nam hoàn toàn có thể làm nên kỳ tích mới trong phát triển kinh tế - xã hội! Một nền kinh tế vững mạnh đang hình thành, một thế hệ doanh nhân Việt Nam bản lĩnh và đổi mới, sáng tạo, tràn đầy nhiệt huyết kinh doanh và lòng yêu nước, đang viết tiếp câu chuyện thành công, và một tương lai rực rỡ, một nước Việt Nam XHCN sánh vai cùng các cường quốc năm châu như mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đang dần trở thành hiện thực trong tương lai gần.

**(Theo Chinhphu.vn)**

**NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ CẦN THỰC HIỆN ĐỂ ĐẠT MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG 8% CỦA TỈNH TRONG NĂM 2025**

Ngày 05/02/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CP về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã thống nhất điều chỉnh Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 05/12/2024 của Tỉnh ủy về phương hướng, nhiệm vụ năm 2025; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 22/2024/NQHĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre năm 2025, góp phần tạo đà, tạo nhịp cho tăng trưởng cao (02 con số) trong giai đoạn tới.

Tỉnh ủy chuẩn bị ban hành Chương trình thực hiện Kết luận số 123-KL/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Đề án bổ sung về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên (*đã thông qua Thường trực Tỉnh ủy*). Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1312/KH-UBND ngày 04/3/3025 về phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, với các chỉ tiêu và phân công trách nhiệm cụ thể cho các sở, ngành, địa phương để tập trung tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời, hiệu quả các nội dung chỉ đạo về tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh. Theo dõi sát, nắm chắc diễn biến tình hình, phối hợp chặt chẽ, thực hiện đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực. Trong đó, tập trung vào các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá sau:

*Đối với Khu vực nông - lâm - thủy sản:* Tập trung mở rộng diện tích, tăng sản lượng và giá trị các loại nông, thủy sản; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, tạo giá trị kinh tế cao. Mở rộng liên kết, tìm kiếm thị trường mới cho nông, thủy sản; duy trì các liên kết hiệu quả “04 nhà” (Nhà Nông - Nhà Khoa học - Nhà doanh nghiệp - Nhà nước), bao tiêu sản phẩm. Phát triển tăng thêm 700 ha dừa hữu cơ kết hợp với mô hình nuôi xen (tôm càng xanh) trong vườn dừa để gia tăng giá trị trên một đơn vị diện tích. Vận động phát triển thêm ít nhất 100 ha (ngoài 4.000 ha) nuôi tôm biển ứng dụng công nghệ cao. Triển khai hiệu quả các giải pháp ngăn chặn kịp thời các dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và thủy sản nhằm hạn chế thiệt hại; chủ động công tác phòng ngừa, ứng phó hạn mặn, thiên tai, bảo vệ diện tích, sản lượng sản xuất.

*Đối với Khu vực công nghiệp - xây dựng:* Xác định đây là khu vực có mức tăng trưởng cao nhất, là động lực chính để phát triển toàn ngành kinh tế của tỉnh. Tỉnh sẽ tập trung hỗ trợ mạnh các doanh nghiệp, nhà đầu tư đã cấp chủ trương để sớm triển khai dự án và đi vào hoạt động; giải quyết nhanh thủ tục hành chính, nhất là thuê đất. Hỗ trợ các doanh nghiệp mở rộng sản xuất, tháo gỡ vướng mắc trong việc đấu nối xử lý nước thải, cung cấp điện - nước ổn định nhằm bảo đảm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp được liên tục. Tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp có sản phẩm xuất khẩu; hoàn thành hạ tầng khu công nghiệp Phú Thuận, các cụm công nghiệp để đấu giá/giao đất cho nhà đầu tư triển khai dự án; tháo gỡ khơi thông nguồn lực các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản (đô thị, dân cư...); làm việc với từng nhà đầu tư đã ký các thỏa thuận hợp tác đầu tư (MOU) để sớm hình thành dự án và đi vào đầu tư. Đẩy nhanh tiến độ khai thác các mỏ cát đã được cấp phép,... phấn đấu, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng ít nhất 18%; kim ngạch xuất khẩu tăng ít nhất 18% so cùng kỳ.

Tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm huy động có hiệu quả vốn đầu tư toàn xã hội và đạt chỉ tiêu đề ra; chỉ đạo quyết liệt để đẩy nhanh tiến độ các công trình và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025, nhất là công tác mua sắm đấu thầu và làm tốt công tác GPMB. Hoàn thành các công trình trọng điểm như cầu Rạch Miễu 2, đường gom vào cầu Rạch Miễu 2, đường ĐT.DK.07, hồ chứa nước Lạc Địa,… theo đúng kế hoạch. Đẩy nhanh tiến độ thi công công trình cầu Ba Lai 8 trên Tuyến đường bộ ven biển; hoàn thành thủ tục đầu tư dự án Tuyến đường bộ ven biển kết nối tỉnh Bến Tre - Tiền Giang - Trà Vinh (Chương trình DPO) và cầu Cửa Đại. Phối hợp với tỉnh Vĩnh Long xây dựng cầu Đình Khao kết nối 02 tỉnh. Triển khai Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII; tập trung tháo gỡ khó khăn để đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án điện gió, phấn đấu trong năm 2025 khởi công ít nhất 01 dự án và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục đấu nối vào điện lưới quốc gia của 02 dự án điện gió (Nhà máy điện gió Sunpro (30MW), Nhà máy điện gió Thạnh Hải 2, 3, 4 (85,75MW)...

*Đối với Khu vực dịch vụ:* Đẩy mạnh khai thác và phát triển thị trường thương mại nội địa; phát triển mạnh mô hình thương mại điện tử kết hợp mô hình thương mại truyền thống. Triển khai các chương trình kích cầu tiêu dùng, tạo các sự kiện, lễ hội thu hút khách du lịch (số khách du lịch và doanh thu); kích cầu tiêu dùng qua các tháng khuyến mãi tập trung, hội chợ, đưa hàng Việt về nông thôn. Tăng cường liên kết vùng, khu vực để thúc đẩy xúc tiến thương mại, liên kết đầu tư, đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là khu vực ĐBSCL và Thành phố Hồ Chí Minh. Thường xuyên theo dõi sát diễn biến thị trường nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp gia tăng xuất khẩu cũng như tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu mới... Khuyến khích đưa các nguồn vốn vay vào sản xuất, kinh doanh để thúc đẩy tăng trưởng tín dụng từ 02 con số trở lên; thúc đẩy dịch vụ logistics, vận tải; tăng chi tiêu công qua giải ngân 100% vốn đầu tư công, giải ngân vốn đầu tư tư nhân; nỗ lực phấn đấu thu ngân sách nhà nước đạt 7.000 tỷ đồng trở lên.

**Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre**

**BẾN TRE TẬP TRUNG SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**

**Phạm Thị Ngọc Ân, Sở Nội vụ**

Trên tinh thần quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc, khẩn trương chủ trương chung của Đảng và nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, tỉnh Bến Tre đồng hành cùng cả nước, tập trung thực hiện quyết liệt nhiệm vụ quan trọng này.

Thực hiện Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và các văn bản định hướng của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Phương án số 01-PA/TU ngày 26/12/2024 sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tỉnh Bến Tre; Công văn số 6050-CV/TU, ngày 11/02/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung Phương án số 01-PA/TU, ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Thực hiện các văn bản của Trung ương và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy với tinh thần khẩn trương, vừa chạy, vừa xếp hàng, cấp tỉnh không chờ cấp huyện, cấp huyện không chờ cơ sở. Đặc biệt, trong quá trình thực hiện chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền để tạo sự thông suốt, đồng thuận trong tổ chức thực hiện, bám sát các nguyên tắc của Đảng, Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, Hiến pháp, pháp luật và yêu cầu thực hiện, công tác tổ chức thực hiện đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, dân chủ, khoa học, cầu thị, cụ thể, sâu sắc và khẩn trương.

Nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo định hướng đúng đắn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, trực tiếp và toàn diện của Tỉnh ủy, sự hỗ trợ, phối hợp của cả hệ thống chính trị tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo các ngành chức năng khẩn trương hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy khối chính quyền trên địa bàn tỉnh và đạt được những kết quả nổi bật cụ thể như sau: Đối với cấp tỉnh: Sắp xếp giảm được 05 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (từ 17 cơ quan còn 12 cơ quan), giảm được 27 phòng và tương đương.

Đối với cấp huyện: Sắp xếp giảm được 18 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (toàn tỉnh giảm từ 99 cơ quan còn 81 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện), trong đó mỗi huyện, thành phố giảm 02 cơ quan chuyên môn (từ 11 cơ quan còn 09 cơ quan/huyện, thành phố).

Các cơ quan, đơn vị các cơ quan, tổ chức sau khi sắp xếp đã đi vào hoạt động chính thức từ ngày 01/ 3/ 2025 và đến nay cơ bản đã hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự, các vấn đề có liên quan và đi vào hoạt động ổn định.

Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy được chú trọng, gắn với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 phê duyệt danh sách 66 cán bộ, công chức, người lao động tượng tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc do sắp xếp tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh và hiện nay các cơ quan, đơn vị, địa phương đang tiếp tục rà soát đối tượng, để thực hiện giải quyết tinh giản biên chế theo quy định.

Để tiếp tục thực hiện chủ trương của cấp trên về sắp xếp tổ chức bộ máy tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả, trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung thực hiện một số nội dung như hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương giải quyết các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự; các thủ tục về xử lý tài chính, tài sản. Bố trí trụ sở làm việc phù hợp và các vấn đề có liên quan khác, sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong, sắp xếp nhân sự, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, giúp các cơ quan, đơn vị ổn định hoạt động, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Rà soát sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập phấn đấu đạt được mục tiêu đến hết năm 2025 giảm tối thiểu 20% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập của cả tỉnh so với năm 2015 đúng theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

Thực hiện tốt công tác tư tưởng để việc sắp xếp đội ngũ công chức, viên chức, người lao động dôi dư được đảm bảo, phù hợp. Giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo đúng quy định pháp luật hiện hành; gắn với tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường công tác kiểm tra để kịp thời phát hiện những sai sót, kịp thời kiến nghị chấn chỉnh.

Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo Kết luận số 121-KL/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 126-KL/TW, ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện Kết luận số 127-KL/TW, ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

**NHỮNG VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM VỀ DẠY THÊM, HỌC THÊM THEO THÔNG TƯ SỐ 29/2024/TT-BGDĐT CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Dạy thêm, học thêm từ lâu đã trở thành một vấn đề nhận được rất nhiều sự quan tâm của dư luận xã hội. Trước đây, hoạt động này được quản lý theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm. Sau hơn một thập kỷ với sự thay đổi mạnh mẽ trong giáo dục, xã hội và nhu cầu học tập của học sinh, khung pháp lý cũ không còn phù hợp. Nhằm siết chặt quản lý, bảo đảm tính minh bạch và hướng hoạt động dạy thêm, học thêm theo đúng mục tiêu giáo dục, ngày 30/12/2024, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư 29/2024/TT-BGDĐT (gọi tắt là Thông tư 29), thay thế hoàn toàn Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT. Thông tư 29 có hiệu lực từ ngày 14/02/2025, đặt ra những quy định mới mang tính định hướng, nhằm kiểm soát chặt chẽ việc dạy thêm, học thêm trong giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên. Việc ban hành Thông tư 29 diễn ra trong bối cảnh Chính phủ yêu cầu đẩy mạnh chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm trên phạm vi cả nước hướng tới mục tiêu xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

**1.** **Tóm tắt nội dung chính của Thông tư 29/2024/TT-BGDĐT**

**- Phạm vi điều chỉnh:** Thông tư 29 quy định về dạy thêm, học thêm đối với giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên. Nội dung Thông tư bao gồm **(i)** các nguyên tắc tổ chức dạy thêm, học thêm; **(ii)** những trường hợp không được phép dạy thêm, tổ chức dạy thêm; **(iii)** quy định về tổ chức hoạt động dạy thêm trong và ngoài nhà trường; và **(iv)** trách nhiệm quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm của các cấp liên quan​.

**- Nguyên tắc dạy thêm, học thêm:** Một nguyên tắc cốt lõi là dạy thêm chỉ được tổ chức khi học sinh có nhu cầu và hoàn toàn tự nguyện, có sự đồng ý của cha mẹ hoặc người giám hộ​. Mọi hình thức ép buộc học sinh học thêm đều bị nghiêm cấm. Thông tư cũng nhấn mạnh không được dạy trước chương trình chính khóa, không cắt xén nội dung dạy học chính khóa để dành cho lớp học thêm​. Nội dung dạy thêm phải phù hợp, không vi phạm pháp luật, không mang định kiến về sắc tộc, tôn giáo, giới tính, địa vị... và đặc biệt phải góp phần phát triển phẩm chất, năng lực của người học, phù hợp với mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông mới​. Việc dạy thêm không được làm ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học chính khóa của nhà trường và của giáo viên đứng lớp.

**- Các trường hợp không được phép dạy thêm, học thêm:** Thông tư 29 liệt kê rõ những tình huống bị cấm nhằm ngăn ngừa lạm dụng việc dạy thêm. Cụ thể: **(1)** Không được tổ chức dạy thêm đối với học sinh tiểu học, trừ các trường hợp đặc biệt nhằm bồi dưỡng về nghệ thuật, thể dục thể thao, rèn luyện kỹ năng sống​. Điều này đồng nghĩa với việc tuyệt đối không dạy thêm văn hóa cho học sinh tiểu học, chỉ cho phép các hoạt động ngoại khóa phát triển năng khiếu và kỹ năng. **(2)** Giáo viên đang giảng dạy tại một trường không được tổ chức dạy thêm ngoài nhà trường có thu tiền đối với chính học sinh mà mình đang dạy chính khóa​. Đây là điểm nhằm ngăn chặn tình trạng giáo viên lôi kéo học sinh của mình ra học thêm bên ngoài. **(3)** Giáo viên trường công lập không được tham gia quản lý, điều hành các cơ sở dạy thêm ngoài nhà trường​ nhưng có thể tham gia dạy tại các cơ sở được cấp phép.

**- Quy định về dạy thêm trong nhà trường:** Tuyệt đối không được thu tiền học sinh đối với hoạt động dạy thêm trong nhà trường​. Nhà trường chỉ được tổ chức dạy thêm cho 3 nhóm đối tượnghọc sinh cụ thể thuộc trách nhiệm hỗ trợ của nhà trường​: Học sinh có học lực chưa đạt chuẩn ở môn học nào đó (căn cứ kết quả cuối học kỳ liền kề) – tức là học sinh yếu, cần được phụ đạo để đạt yêu cầu tối thiểu​; Học sinh được chọn vào đội tuyển bồi dưỡng học sinh giỏi – nhóm này cần được bồi dưỡng nâng cao để đi thi học sinh giỏi các cấp​; Học sinh lớp cuối cấp có nguyện vọng ôn thi tuyển sinh, tốt nghiệp – ví dụ học sinh lớp 9, 12 tự nguyện đăng ký ôn thi vào lớp 10 hoặc thi tốt nghiệp THPT theo kế hoạch của nhà trường​. Ngoài ra, Thông tư 29 quy định thời gian mỗi môn học tối đa 2 tiết/tuần và không quá 45 học sinh/lớp cho hoạt động dạy thêm​ để bảo đảm học sinh có thời gian nghỉ ngơi, tự học và tham gia hoạt động khác.

**- Quy định về dạy thêm ngoài nhà trường:** Đối với hoạt động dạy thêm diễn ra ngoài phạm vi nhà trường. Thông tư 29 đặt ra các yêu cầu nhằm quản lý chặt chẽ chất lượng và tính minh bạch. Mọi tổ chức, cá nhân dạy thêm có thu tiền đều phải đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật và đáp ứng các điều kiện do địa phương quản lý​. Cơ sở dạy thêm phải công khai thông tin về hoạt động: cụ thể là công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc niêm yết tại nơi tổ chức về các môn học, thời lượng dạy thêm cho từng khối lớp, địa điểm, hình thức, lịch học, danh sách người dạy và mức thu tiền học thêm trước khi chiêu sinh​. Việc công khai này nhằm minh bạch hóa hoạt động, giúp phụ huynh và cơ quan quản lý giám sát dễ dàng, ngăn ngừa việc tổ chức dạy thêm trái quy định. Bên cạnh đó, Thông tư nêu rõ người dạy thêm phải có phẩm chất đạo đức và chuyên môn phù hợp với môn dạy​. Giáo viên đang dạy tại trường nếu muốn dạy thêm ngoài nhà trường phải báo cáo với hiệu trưởng về môn dạy, địa điểm, hình thức, thời gian dạy thêm của mình​. Đây là quy định mới nhằm bảo đảm nhà trường nắm được hoạt động bên ngoài của giáo viên, phòng ngừa vi phạm.

**- Trách nhiệm quản lý của các cấp:** Thông tư 29 phân định rõ trách nhiệm của từng cấp trong việc giám sát, quản lý hoạt động dạy thêm. Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm quản lý toàn diện hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn​. Chính quyền địa phương có thẩm quyền cấp phép cho các cơ sở dạy thêm, thanh tra kiểm tra và xử lý vi phạm. Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện, đồng thời thanh tra, kiểm tra định kỳ các hoạt động dạy thêm ở địa phương​. Về phía nhà trường, hiệu trưởng phải quản lý chặt chẽ việc dạy thêm trong trường, chịu trách nhiệm nếu để xảy ra sai phạm; đồng thời theo dõi việc giáo viên của trường tham gia dạy thêm ngoài nhà trường​. Quy định đa chiều này huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị - xã hội để giám sát dạy thêm, đúng với tinh thần **“**quản lý chứ không cấm**”** mà Bộ GD&ĐT đề ra​.

Tóm lại, Thông tư 29 đã đưa ra một khuôn khổ pháp lý toàn diện cho hoạt động dạy thêm, học thêm với mục tiêu đảm bảo tính tự nguyện, minh bạch, đúng mục đích giáo dục và loại bỏ các hiện tượng tiêu cực như ép học, dạy thêm tràn lan vì lợi nhuận.

**2.** **Điểm mới và quan trọng so với quy định trước đây**

Thông tư 29/2024/TT-BGDĐT có nhiều điểm đổi mới quan trọng, phản ánh sự điều chỉnh chính sách nhằm phù hợp với thực tiễn hiện nay​. Dưới đây là những điểm mới nổi bật:

**- Quy định nguyên tắc “tự nguyện” rõ ràng hơn:** Thông tư 29 nhấn mạnh dạy thêm chỉ được tổ chức khi học sinh tự nguyện và có nhu cầu thật sự, cấm tuyệt đối mọi hình thức ép buộc. Đặc biệt, quy định mới cấm việc kiểm tra, đánh giá nhằm tạo sức ép buộc học sinh phải đi học thêm​. Đây là điểm mới quan trọng, nhằm ngăn chặn tình trạng giáo viên cho điểm kiểm tra thấp hoặc ra đề khó để học sinh phải tìm đến lớp học thêm của mình – một vấn đề từng gây bức xúc trong dư luận.

**-** **Không dạy thêm trước chương trình:** Thông tư mới lần đầu nêu rõ cấm dạy thêm trước nội dung chương trình chính khóa​. Điều này đồng nghĩa với việc các lớp luyện thi, lò đào tạo không được “dạy vượt, dạy trước” khiến học sinh học trước nội dung sẽ học trên lớp. Quy định này giúp đảm bảo sự đồng bộ giữa dạy thêm và dạy chính khóa, tránh việc học sinh mất hứng thú trên lớp vì đã học trước ở chỗ học thêm.

**- Siết chặt đối tượng học sinh tiểu học:** Thông tư 17/2012 vốn cấm dạy thêm đối với học sinh tiểu học, nhưng Thông tư 29 bổ sung làm rõ thêm các ngoại lệ được phép (bồi dưỡng nghệ thuật, thể thao, kỹ năng sống)​. Điều này cho thấy cách tiếp cận mới: cấm tuyệt đối dạy thêm văn hóa cho bậc tiểu học, chỉ khuyến khích các hoạt động phát triển năng khiếu và kỹ năng mềm. Trước đây, một số nơi vẫn tổ chức phụ đạo cho học sinh tiểu học yếu theo dạng “tự nguyện”, nay quy định mới loại bỏ hoàn toàn khả năng dạy thêm văn hóa ở tiểu học, kể cả dưới danh nghĩa phụ đạo học tập thông thường.

**- Dạy thêm trong trường miễn phí và giới hạn đối tượng:** Trước đây, các trường có thể tổ chức dạy thêm có thu tiền (theo quy định của địa phương về mức trần học phí học thêm). Điểm đổi mới mang tính đột phá của Thông tư 29 là không thu bất kỳ khoản tiền nào từ học sinh trong hoạt động dạy thêm tại trường​. Ngoài ra, phạm vi đối tượng được học thêm trong trường cũng thu hẹp đáng kể: chỉ còn học sinh yếu, đội tuyển học sinh giỏi và học sinh cuối cấp ôn thi​. Trước đây, dù danh nghĩa “tự nguyện”, nhiều học sinh khá giỏi hoặc không yếu vẫn tham gia lớp học thêm chính khóa, dẫn đến học thêm tràn lan. Nay quy định mới loại trừ học sinh đã đạt yêu cầu khỏi diện học thêm trong trường​, đảm bảo việc dạy thêm chỉ tập trung hỗ trợ đối tượng thực sự cần. Sự thay đổi này thể hiện tính nhân văn và “tất cả vì người học” – dạy thêm để giúp đỡ học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi mà không vì mục đích thu tiền​

**- Quy định về trách nhiệm và hành vi giáo viên:** Thông tư mới tiếp tục cấm giáo viên dạy thêm cho học sinh mình đang dạy chính khóa. Điểm mới là yêu cầu giáo viên phải báo cáokhi tham gia dạy thêm bên ngoài​, cũng như cấm giáo viên trường công lập quản lý, điều hành trung tâm dạy thêm tư nhân​. Những chi tiết này trước đây chưa quy định rõ. Bên cạnh đó, Thông tư 29 lưu ý đến trách nhiệm về thuế: giáo viên dạy thêm có thu tiền (ngoài nhà trường) phải thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định​, đảm bảo hoạt động dạy thêm có thu nhập được quản lý như một hoạt động nghề nghiệp hợp pháp.

**- Minh bạch thông tin và điều kiện cơ sở dạy thêm:** So với quy định cũ, Thông tư mới đòi hỏi mức độ minh bạch cao hơn. Việc công khai thông tin lớp học thêm (môn học, lịch học, học phí, danh sách giáo viên...) được quy định chi tiết​, giúp phụ huynh nắm rõ và giám sát. Ngoài ra, tiêu chuẩn đối với người dạy (phẩm chất, chuyên môn) được nhấn mạnh hơn, cũng như việc tuân thủ các quy định về an ninh trật tự, an toàn, vệ sinh tại nơi tổ chức dạy thêm​. Những yêu cầu này cho thấy sự nâng cao chuẩn mực quản lý so với trước đây vốn lỏng lẻo hơn.

**- Huy động các lực lượng cùng quản lý dạy thêm:** Nếu như trước kia, quản lý dạy thêm chủ yếu giao cho ngành giáo dục và chính quyền địa phương ban hành quy định riêng, thì nay Thông tư 29 xác định rõ vai trò của UBND các cấp, các Sở/Phòng GD&ĐT, nhà trường, phụ huynh và cộng đồng trong giám sát hoạt động này​. Sự phối hợp liên ngành và sự tham gia của xã hội được đề cao như một nguyên tắc quản lý mới, giúp quy định đi vào cuộc sống một cách hiệu quả hơn. Quan điểm của Bộ GD&ĐT là quản lý để hoạt động dạy thêm diễn ra tích cực, đúng quy định thay vì cấm đoán hoàn toàn​– đây là một thay đổi quan trọng về chính sách so với trước.

Nhìn chung, các điểm mới của Thông tư 29 thể hiện nỗ lực **c**hấn chỉnh toàn diện hoạt động dạy thêm, học thêm: vừa kiểm soát chặt chẽ hơn (cấm tiểu học, cấm thu tiền trong trường, cấm dạy trước chương trình...), vừa tạo hành lang pháp lý để dạy thêm hợp pháp, tích cực nếu tuân thủ quy định​. Sự khác biệt cho thấy quyết tâm của ngành giáo dục trong việc đưa hoạt động này trở về đúng mục đích hỗ trợ học sinh.

**Sở Giáo dục và Đào tạo**

**“KHỞI SẮC” CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TRỌNG ĐIỂM CỦA TỈNH**

Tỉnh Bến Tre nằm ở phía Đông đồng bằng sông Cửu Long, phía Bắc giáp với tỉnh Tiền Giang, phía Tây và Tây Nam giáp với tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Trà Vinh, phía Đông và Đông Nam giáp với biển Đông. Địa hình, địa thế tỉnh Bến Tre thấp và bị chia cắt tạo thành bởi 03 cù lao lớn là cù lao Minh, cù lao Bảo và cù lao An Hoá với hệ thống sông, rạch chằng chịt. Đến nay, các trục giao thông chính kết nối dọc trên 03 cù lao có QL.57 trên cù lao Minh; QL.57C, ĐT.883 trên cù lao Bảo; QL.57B trên cù lao An Hóa; các trục giao thông kết nối ngang có QL.60, ĐT.881.

Trong thời gian tới, việc tập trung mọi nguồn lực để phát triển hạ tầng giao thông theo quy hoạch được phê duyệt, phục vụ phát triển kinh tế xã hội là xu thế tất yếu. Nhiệm kỳ 2020 - 2025, Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ XI tiếp tục tập trung nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thực hiện 11 công trình, dự án trọng điểm. Lĩnh vực giao thông có các dự án như xây dựng cầu Rạch Miễu 2, Đường gom đường vào cầu Rạch Miễu 2; chuẩn bị đầu tư dự án Tuyến đường bộ ven biển kết nối tỉnh Bến Tre với Tiền Giang và Trà Vinh;… tiếp tục triển khai các dự án quan trọng khác để từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông của tỉnh.

Năm 2025 tập trung thực hiện phương hướng, nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 05/12/2024 của Tỉnh ủy; đồng thời đây cũng là năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025), năm diễn ra đại hội Đảng các cấp, kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện trọng đại của đất nước và của tỉnh. Do đó, tiến độ các công trình giao thông trọng điểm đang được tập trung triển khai dưới sự quan tâm lãnh đạo sâu sát của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở ngành, địa phương, chủ đầu tư, đơn vị tư vấn giám sát, đơn vị thi công,… và sự ủng hộ của nhân dân vùng dự án trong công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư.

Qua thời gian tập trung triển khai, tiến độ thi công các công trình đạt được những kết quả khả quan như: Dự án cầu Rạch Miễu 2 thi công đạt khoảng 81% khối lượng, dự kiến phấn đấu tổ chức thông xe nhân dịp lễ Quốc Khánh 02/9/2025; Dự án đường gom đường vào cầu Rạch Miễu 2 thi công gói 1 trên địa bàn huyện Châu Thành *(bao gồm cầu Ba Lai, cầu Tam Sơn)* đạt khoảng 88% khối lượng, thi công gói 2 trên địa bàn thành phố Bến Tre *(bao gồm cầu sông Mã)* đạt khoảng 70% khối lượng. Dự án cầu Ba Lai 8 đang thi công gói 1 *(phần đường)*, gói 2 *(phần cầu chính)* và chuẩn bị triển khai thi công gói 3 *(phần tuyến kết nối).* Đường từ cảng Giao Long đến Khu công nghiệp Phú Thuận (ĐT.DK.07) đang thống nhất quy mô triển khaigói 1, thi công gói 2 đạt khoảng 72% khối lượng, thi công gói 3 đạt khoảng 55% khối lượng. Dự án đê bao ngăn mặn kết hợp đường giao thông nối liên các huyện Bình Đại - Ba Tri - Thạnh Phú thi công đạt khoảng 91% khối lượng; Dự án đường giao thông kết hợp đê bao ngăn mặn liên huyện Mỏ Cày Nam - Thạnh Phú (ĐH.17) thi công gói 1 cơ bản hoàn thành, thi công gói 2 thi công đạt khoảng 93% khối lượng;…

Như vậy, khi các dự án đang triển khai thi công hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ từng bước hình thành mạng lưới giao thông theo quy hoạch, góp phần tạo diện mạo mới cho khu vực tuyến đường đi qua và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đi lại của người dân và yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà. Nổi bật nhất trong các dự án đang triển khai thi công là công trình cầu Rạch Miễu 2, khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ tạo tính liên kết vùng trong mạng lưới giao thông, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của khu vực, giảm thiểu tình trạng ách tắc và mất an toàn giao thông, tiết kiệm chi phí cho các phương tiện lưu thông vì khoảng cách giao thông đường bộ giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau được rút ngắn. Kết nối linh hoạt trong vận tải và lưu thông hàng hóa, thúc đẩy các hoạt động đầu tư sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ và du lịch được gia tăng, đẩy mạnh phát triển kinh tế của các tỉnh duyên hải Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng. Tạo tiền đề thúc đẩy giao thương thuận lợi giữa các tỉnh vùng Tây Nam Bộ với vùng Đông Nam Bộ và TP. Hồ Chí Minh cũng như đóng vai trò quan trọng trong giữ vững và phát huy tiềm lực kinh tế, củng cố, bảo vệ an ninh quốc phòng.

Trong năm 2025 và những năm tiếp theo, để tiếp tục hoàn thiện hạ tầng giao thông, tỉnh Bến Tre tiếp tục tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình đang triển khai thi công, đồng thời nhanh chóng hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án có trọng tâm, trọng điểm, đặc biệt là các dự án có tính chất đột phá, tăng tính liên kết vùng, thúc đẩy các hoạt động đầu tư, tăng cường kết nối vận tải,… như cầu Cửa Đại kết nối tỉnh Tiền Giang với tỉnh Bến Tre, tổng mức đầu tư dự kiến 4.750 tỷ đồng *(Ban Quản lý dự án đầu tư các công trình giao thông tỉnh Bến Tre đang nghiên cứu lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi).* Tuyến đường bộ ven biển kết nối tỉnh Bến Tre với tỉnh Tiền Giang và tỉnh Trà Vinh thuộc chương trình DPO đi qua địa bàn huyện Ba Tri và Thạnh Phú, tổng mức đầu tư dự kiến 7.905 tỷ đồng *(Ban Quản lý dự án đầu tư các công trình giao thông tỉnh Bến Tre đang nghiên cứu lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi)*.Cầu Cổ Chiên 2 kết nối tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre, tổng mức đầu tư dự kiến 3.500 tỷ đồng (*Ban Quản lý dự án đầu tư các công trình giao thông tỉnh Trà Vinh đang tổ chức thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư)*. Cầu Đình Khao kết nối tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Bến Tre, tổng mức đầu tư dự kiến 2.846 tỷ đồng *(Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương dự án tại Quyết định số 1120/QĐ-TTg ngày 08/10/2024, đơn vị tư vấn đang lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án)*;…

Song song với tiến độ thi công và chuẩn bị thủ tục đầu tư các công trình trọng điểm nêu trên thì tỉnh đang kết hợp mọi nguồn vốn để tiếp tục từng bước đầu tư các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường xã,… theo quy hoạch nhằm đảm bảo xây dựng mạng lưới giao thông phát triển đồng bộ theo quy hoạch, tăng tính liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội đồng đều khu vực đô thị và nông thôn.

**Sở Xây dựng**

**CÔNG AN BẾN TRE TIÊN PHONG TRONG CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ**

Chuyển đổi số là xu hướng tất yếu của thế giới, đây là yêu cầu cấp thiết đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh quốc gia. Nhận thức được tầm quan trọng và vai trò của chuyển đổi số, lực lượng Công an tỉnh Bến Tre đã chủ động, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Trong những năm vừa qua, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công an, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về chuyển đổi số, Đảng ủy, lãnh đạo Công an tỉnh đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của Công an tỉnh giai đoạn 2022 - 2025, mục tiêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Với mục tiêu chung là phát triển môi trường số an toàn hiệu quả phục vụ các hoạt động của Công an tỉnh; chuyển đổi trạng thái làm việc từ “truyền thống” sang “hiện đại”, từ “thủ công” sang “điện tử”. Trên tinh thần đó, Công an tỉnh đã tận dụng các cơ hội, thành tựu của khoa học công nghệ và sự phát triển mạnh mẽ của Chính phủ số nhằm từng bước số hóa quy trình nghiệp vụ, biện pháp công tác, bảo đảm nhanh chóng, chính xác, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, có sức chiến đấu cao, phục vụ công cuộc bảo vệ an ninh Tổ quốc và bảo vệ lợi ích của nhân dân.

Với quyết tâm chính trị cao, lực lượng Công an toàn tỉnh đã tiên phong, gương mẫu đi đầu trong đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành các mặt công tác tham mưu, xây dựng lực lượng, hậu cần,… tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ, hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT - iOffice, hệ thống thư điện tử nội bộ; tiếp tục sử dụng hiệu quả một số ứng dụng, phần mềm phục vụ công tác như: phần mềm quản lý văn bản; phần mềm dữ liệu quốc gia về dân cư; phần mềm đăng ký phương tiện mô tô, xe máy; phần mềm hệ thống cơ sở dữ liệu truy nã, truy tìm,…

Ngay từ đầu năm 2024, Công an tỉnh đã ban hành kế hoạch công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính; trong đó đã triển khai, thực hiện hiệu quả việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ, tài liệu trong Công an nhân dân. Công an tỉnh đã tiếp nhận, giải quyết trực tuyến 443.945 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99,81%; số hóa 165.998 hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, đạt tỷ lệ 100%; số hóa 1.0005.832 hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính phát sinh trước ngày 01/7/2022 và còn hiệu lực, đạt tỷ lệ 57,97%. Trên cơ sở quy định của Bộ Công an, Công an tỉnh đã tiến hành niêm yết danh mục thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến toàn trình và một phần thuộc thẩm quyền giải quyết; triển khai việc thanh toán trực tuyến phí/lệ phí giải quyết thủ tục hành chính tại Cổng dịch vụ công Bộ Công an trên nền tảng thanh toán trực tuyến; thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Cổng dịch vụ công quốc gia.

Triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, lực lượng Công an tỉnh đã chủ động triển khai, thực hiện nhiều cách làm sáng tạo, thực chất, cung cấp các tiện ích cụ thể. Trong đó nổi bật là hướng dẫn người dân cài đặt ứng dụng VNeID, kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức độ 1, 2; duy trì, cập nhật bảo đảm “Đúng - đủ - sạch - sống” hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; triển khai sổ sức khỏe điện tử, cấp phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID,…

Đặc biệt, Công an tỉnh thường xuyên quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Công an về ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước phục vụ đấu tranh, phòng, chống tội phạm; trong đó, đã triển khai thực hiện mô hình “Triển khai tố giác tội phạm qua ứng dụng VNeID” và mô hình “Thông báo lưu trú qua phần mềm ASM” đối với các cơ sở lưu trú, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho công dân tự thông báo lưu trú qua ứng dụng VNeID vừa giúp cơ quan Công an kịp thời phát hiện đối tượng truy nã lẩn trốn tại các cơ sở cho thuê lưu trú. Đồng thời, chỉ đạo Công an cấp xã thực hiện việc hướng dẫn 100% công dân gửi “Kiến nghị, phản ánh về an ninh trật tự” qua ứng dụng VNeID khi đến cơ quan Công an báo tin. Ngoài ra, thường xuyên chỉ đạo Công an cấp xã rà soát, cập nhật thông tin đối tượng thuộc diện quản lý trên hệ thống dữ liệu dân cư, đảm bảo kịp thời, đầy đủ, đúng quy trình, quy định; qua đó, phục vụ hiệu quả công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm. Trong năm, thông qua công tác đăng ký quản lý cư trú, làm sạch dữ liệu trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Công an cơ sở phối hợp các đơn vị liên quan truy bắt được 03 đối tượng truy nã; đồng thời, thông qua thiết bị xác minh di động kịp thời truy xét khám phá nhanh 01 vụ án giết người tại tỉnh Tiền Giang phi tang xác xuống sông Hàm luông, thành phố Bến Tre,…

Với những thành tựu đạt được trong chuyển đổi số, lực lượng Công an nhân dân nói chung, Công an Bến Tre nói riêng đã khẳng định vai trò tiên phong, đi đầu trong công cuộc chuyển đổi số quốc gia. Qua đó, lực lượng Công an không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, mà còn nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, đồng thời bảo vệ an ninh quốc gia trước những thách thức mới, góp phần cùng đất nước phát triển mạnh mẽ, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

**Công an tỉnh Bến Tre**

**BẾN TRE THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG**

Thực hiện Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre 5 năm 2021-2025, ngành Công Thương Bến Tre đã có nhiều nỗ lực trong sự phát triển chung của toàn tỉnh, trong đó hoạt động khuyến công từng bước khẳng định được vai trò thúc đẩy sự phát triển công nghiệp nông thôn tại địa phương, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, tạo giá trị sản xuất chung của ngành công nghiệp tỉnh nhà.

Với mục tiêu và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh mở rộng sản xuất theo hướng từng bước cơ giới hóa, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, đồng thời đảm bảo môi trường cho sự phát triển bền vững; giai đoạn 2021-2025, khuyến công Bến Tre đã thực hiện hỗ trợ cho 76 cơ sở công nghiệp nông thôn trong ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất, với kinh phí hỗ trợ 18,9 tỷ đồng, trong đó kinh phí khuyến công quốc gia chiếm 5,4 tỷ đồng và kinh phí khuyến công tỉnh hỗ trợ 13,5 tỷ đồng. Đồng thời, thu hút được trên 41 tỷ đồng từ nguồn vốn đối ứng của các đơn vị thụ hưởng, tạo việc làm cho hơn 3.000 lao động tại địa phương.

Trong đó, tiêu biểu là một số chương trình hỗ trợ của đề án khuyến công quốc gia điểm năm 2021-2022 “*Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Bến Tre có sản phẩm được bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu phát triển sản xuất”* cho Công ty TNHH MTV Sản xuất – Thương mại Thực phẩm Đồ uống Thanh Bình, Công ty TNHH DV TM XNK Khang Thịnh, Chi nhánh Công ty CP XNK A Tuấn Khang, Công ty TNHH Dừa Đông Dương,… với tổng kinh phí hỗ trợ là 300 triệu đồng/cơ sở. Có thể kể đến một số đề án từ chương trình khuyến công tỉnh như đề án: *“Đầu tư ứng dụng máy móc thiết bị trong sản xuất vật liệu xây dựng theo công nghệ mới*” của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đại Phúc, với kinh phí hỗ trợ 300 triệu đồng; đề án *“Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất cá khô”* của Công ty TNHH TM Cá Việt, với kinh phí hỗ trợ 296 triệu đồng; đề án “*Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất trái cây sấy”* của Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Nông sản Thương mại Thiên Tân Phát, với kinh phí hỗ trợ 267 triệu đồng,…

Thông qua việc hỗ trợ, đã phần nào giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh ứng dụng các máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất, giúp giảm sai sót trong quá trình làm bằng thủ công, tăng độ sắc nét, đáp ứng tốt nhu cầu về năng suất, chất lượng sản phẩm, giá cả, tạo môi trường thuận lợi cho người lao động tham gia sản xuất, ổn định việc làm và tăng thu nhập. Mặt khác, đây còn là định hướng và mục tiêu của hoạt động khuyến công, góp phần mở rộng sản xuất theo hướng từng bước được cơ giới hóa tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, chú trọng đầu tư chiều sâu, đổi mới máy móc thiết bị hiện đại, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ngoài ra, hoạt động khuyến công thời gian qua đã ưu tiên khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở trong phát triển sản xuất sạch hơn, đảm bảo môi trường sinh thái cho sự phát triển bền vững. Điển hình là thực hiện hỗ trợ 04 cơ sở sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, với kinh phí hỗ trợ là 700 triệu đồng; hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm trong nước với 01 đề án khuyến công quốc gia (kinh phí hỗ trợ là 952 triệu, cho 64 cơ sở với 170 gian hàng) và 01 đề án khuyến công địa phương (kinh phí hỗ trợ là 80,9 triệu đồng cho 05 cơ sở với 08 gian hàng).

Thực hiện 02 kỳ bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh năm 2022 và năm 2024, với tổng kinh phí thực hiện là 147 triệu đồng, kết quả: có 40 sản phẩm/bộ sản phẩm được công nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh; 20 sản phẩm/bộ sản phẩm được công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực và 08 sản phẩm/bộ sản phẩm được công nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia. Hoạt động này không chỉ giúp kịp thời phát hiện và tôn vinh các sản phẩm tiềm năng tiêu biểu của tỉnh mà còn tạo động lực cho doanh nghiệp sáng tạo ra các sản phẩm ngày càng chất lượng, kiểu dáng mới lạ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Các sản phẩm sau khi đạt giải tiếp tục được tạo điều kiện hỗ trợ kinh phí cải tiến kỹ thuật sản xuất cũng như khâu quảng bá, xây dựng thương hiệu. Cụ thể, trong 5 năm qua, chương trình khuyến công đã hỗ trợ kinh phí cho 15 cơ sở đầu tư trang thiết bị ban đầu để xây dựng phòng trưng bày, quảng bá sản phẩm, với kinh phí hỗ trợ 500 triệu đồng và hỗ trợ cho 04 cơ sở thuê tư vấn trong thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói, xây dựng thương hiệu, với kinh phí hỗ trợ là 117 triệu đồng.

Hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn trong tỉnh cũng được chú trọng, thông qua các hội thảo, tập huấn nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, khởi sự doanh nghiệp, các giải pháp về mô hình tài chính dành cho các cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia. Song song đó, công tác thông tin, tuyên truyền về chính sách, hoạt động khuyến công luôn được quan tâm và thực hiện thông qua các chuyên mục phóng sự, các bản tin chuyên đề trên báo, đài, tạp chí,….

Có thể thấy, khuyến công Bến Tre thời gian qua đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, thể hiện qua số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp không ngừng tăng trưởng cả về số lượng, quy mô, và chất lượng; máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến, hiện đại ngày càng được các doanh nghiệp ứng dụng rộng rãi; trình độ quản lý và tay nghề của người lao động đã được nâng lên đáng kể. Mặc dù vẫn còn không ít những khó khăn và hạn chế trong quá trình hoạt động, nhưng với quyết tâm nỗ lực của đội ngũ cán bộ quản lý cùng sự phối hợp của doanh nghiệp và đội ngũ cộng tác viên, khuyến công Bến Tre tiếp tục phấn đấu để đem lại hiệu quả cao cho hoạt động của ngành Công Thương, góp phần quan trọng vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững cho địa phương và cả nước.

**Sở Công thương (Nguồn: TTKC&XTTM)**

## BẾN TRE THÚC ĐẨY CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA PHÁT TRIỂN

**Đỗ Huỳnh Anh**

**Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Khởi nghiệp - Sở Tài chính**

Tính đến cuối năm 2024, toàn tỉnh có khoảng 6.700 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 73.844 tỷ đồng, trong đó có 4.192 doanh nghiệp đang hoạt động. Trong số doanh nghiệp đang hoạt động, số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) chiếm tỷ lệ rất cao (trên 90%). Đa số DNNVV tại Bến Tre có tổng vốn đăng ký trên hệ thống trung bình là dưới 01 tỷ đồng và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ; số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất thuộc lĩnh vực nông-lâm nghiệp-thủy sản, công nghiệp, xây dựng còn hạn chế. Trong đó, tỷ lệ lao động cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm hơn 73% tổng số lao động trên địa bàn tỉnh, đóng vai trò quan trọng trong việc tạo việc làm và đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động.

## Thực trạng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Bến Tre

Từ khi Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ra đời năm 2017, đến cuối năm 2023, bên cạnh các quy định, luật, nghị định của Chính phủ và nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đã cụ thể hóa thành nhiều văn bản: quyết định, chương trình, kế hoạch... để triển khai thực hiện. Trong đó, Chương trình số 10-CTr/TU, ngày 28/4/2026 về Đồng Khởi khởi nghiệp và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Bến Tre của Tỉnh ủy Bến Tre là định hướng quan trọng. Sau khi Chương trình 10 được ban hành, Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre tiếp tục ban hành Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 17/07/2017 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp; Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 về chính sách thúc đẩy tập trung đất đai và tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Đặc biệt phải kể đến là Nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong giai đoạn 2020 - 2025 và Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn 2020 - 2025, căn cứ từ các quy định của Nghị định số 39/2018/NĐ-CP về hỗ trợ DNNVV. Cuối năm 2022, khi Nghị định số 80/NĐ-CP ra đời thay thế cho Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 7649/KH-UBND ngày 24/11/2022 về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh.Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 05/7/2023 về việc Quy định một số chính sách đặc thù khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, bao gồm cả doanh nghiệp nhỏ và vừa mà Trung ương và tỉnh Bến Tre ban hành đã mang lại những kết quả rõ nét. Môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh đã được cải thiện rõ rệt qua các năm, nhìn lại 10 năm qua, xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Bến Tre luôn duy trì ở mức khá trở lên. Cụ thể, từ năm 2015 đến 2020, Bến Tre luôn nằm trong nhóm điều hành tốt và từ năm 2017 đến năm 2020, tỉnh luôn đứng trong top 10 cả nước. Đặc biệt, năm 2023, Chỉ số PCI của Bến Tre xếp vị trí thứ 7 trên toàn quốc và thứ 3 khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Từ năm 2017 đến 2023, số lượng doanh nghiệp mới tại Bến Tre không ngừng gia tăng, với mức tăng trung bình đạt 14,68% mỗi năm, cao hơn đáng kể so với tỷ lệ 9,68% của giai đoạn trước đó (2010-2016). Kết quả này có được nhờ vào việc tỉnh tích cực triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, thực hiện cải cách hành chính, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, đầu tư vào cơ sở hạ tầng, cùng với sự nỗ lực vượt khó từ phía doanh nghiệp.

Để đạt được những kết quả đáng khích lệ như trên, *trước tiên* phải kể đến hiệu quả tích cực của Chương trình số 10-CTr/TU, ngày 28/4/2016 của Tỉnh ủy về Đồng Khởi khởi nghiệp và Phát triển doanh nghiệp và Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020 - 2025.

*Thứ hai là,* sự nỗ lực của các cấp lãnh đạo tỉnh trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Lãnh đạo tỉnh Bến Tre đã kịp thời chỉ đạo các cấp quản lý và các ngành liên quan triển khai mạnh mẽ các nghị quyết của Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân và doanh nghiệp. Trên cơ sở các nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, đcác sở, ban, ngành đã phối hợp chặt chẽ trong việc ban hành và thực hiện các chính sách hỗ trợ, giúp cụ thể hóa và hướng dẫn triển khai các chính sách một cách đồng bộ và hiệu quả.

*Thứ ba là,* các lĩnh vực ưu đãi hỗ trợ của tỉnh Bến Tre cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tương đối đa dạng và phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp, từ đăng ký doanh nghiệp đến mở rộng thị trường và quảng bá sản phẩm. Nhiều chính sách được ban hành với đối tượng thụ hưởng rộng rãi, nhiều thành phần từ sinh viên đến doanh nghiệp nông nghiệp.

*Thứ tư là,* các chính sách mới được ban hành đều thực hiện đúng quy định là có lấy ý kiến doanh nghiệp và phản biện xã hội, nên phản ánh khá chính xác các khó khăn mà doanh nghiệp nhỏ và vừa đang gặp phải. Vì thế, khi thực thi chính sách đã hỗ trợ giải quyết một phần khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp. Bên cạnh các chính sách hỗ trợ, tỉnh cũng thường xuyên tổ chức các buổi hội nghị, hội thảo để tiếp xúc trực tiếp với doanh nghiệp, giúp lắng nghe và giải quyết các vấn đề kịp thời, tạo niềm tin vào sự năng động của chính quyền địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Bến Tre cũng còn gặp nhiều hạn chế, cụ thể là hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách hỗ trợ chưa đồng bộ. Ngoài các chính sách hỗ trợ riêng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định chung của Trung ương, Bến Tre cũng có nhiều chính sách khác dành cho doanh nghiệp nói chung. Tuy nhiên, các điều kiện để được hưởng chính sách chưa được quy định cụ thể. Nguyên nhân là do hầu hết các chính sách của tỉnh chỉ hướng đến doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong khi đa số doanh nghiệp là nhỏ và siêu nhỏ. Các doanh nghiệp này gần như không thể đáp ứng được yêu cầu và tiêu chí được quy định, do đó không thể hưởng được hỗ trợ từ các chính sách.

Nguồn lực của tỉnh dành cho việc hỗ trợ DNNVV còn mang tính hình thức, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế của doanh nghiệp; thiếu các chính sách dài hạn và cơ chế thực thi cụ thể để doanh nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận các chính sách hỗ trợ. Định mức hỗ trợ còn hạn hẹp, chưa đủ hấp dẫn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khiến hiệu quả hỗ trợ chưa đạt được như mong đợi. Nguyên nhân của hạn chế này có thể hiểu là, Bến Tre là một tỉnh nghèo, luôn phải được Trung ương cấp kinh phí để hoạt động. Do đó, việc dành ra một khoản kinh phí lớn để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa là không thể được. Bên cạnh đó, số lượng cán bộ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng chưa đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, một phần do biên chế nhà nước ngày càng bị cắt giảm, cán bộ kiêm nhiệm công việc nhiều dẫn đến không có cán bộ chuyên môn phụ trách riêng nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ngoài ra, cơ sở vật chất, trang thiết bị công dành cho các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng chưa được đầu tư đúng mức.

Trong báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của VCCI Việt Nam, chỉ số thành phần về “tính minh bạch” của Bến Tre năm 2023 đứng ở vị trí 47/63 tỉnh thành; trong khi chỉ số thành phần về “chi phí thời gian” cũng đứng thứ 40 trên cả nước. Mặc dù lãnh đạo tỉnh đã có chỉ đạo quyết liệt nhằm rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhưng tình trạng “trên nóng, dưới lạnh” này vẫn đang gây ảnh hưởng đến việc thực thi chính sách và công tác hỗ trợ doanh nghiệp, đồng thời làm giảm tính linh hoạt trong môi trường đầu tư kinh doanh. Nguyên nhân chủ yếu là doanh nghiệp phải tốn quá nhiều thời gian để hoàn thành một số thủ tục hành chính, đặc biệt là các thủ tục liên quan đến đất đai, thuế, vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường và phòng cháy chữa cháy. Bên cạnh đó, vẫn còn một số cán bộ cấp sở, ngành chưa thực hiện đúng các chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, và chính quyền cấp huyện, cấp xã chưa triển khai đầy đủ các chính sách của tỉnh.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Bến Tre phần lớn là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, có doanh nghiệp chỉ có 2-3 nhân viên, vốn điều lệ đăng kí chỉ vài chục triệu đồng, vài trăm triệu đến dưới 1 tỷ đồng, cơ sở hoạt động sản xuất tại nhà riêng… điều này khiến doanh nghiệp nhỏ và vừa không thể đáp ứng được các thủ tục như lập dự án đầu tư, xin chủ trương đầu tư, đảm bảo các điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định, hạn chế năng lực trong việc lập dự án khả thi, không có tài sản thế chấp và không chịu được mức lãi suất cao của các tổ chức tín dụng.

Một nguyên nhân đáng kể khác là do năng lực quản trị của bản thân người đứng đầu doanh nghiệp. Trước bối cảnh toàn cầu hóa, các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày càng có cơ hội tham gia vào sân chơi chung trong khu vực và trên thế giới. Do đó, cũng bộc lộ những yếu kém về năng lực quản trị doanh nghiệp và khả năng thích ứng với bối cảnh kinh doanh mới trên nhiều khía cạnh, bao gồm hệ thống quản trị chất lượng, năng lực đánh giá thị trường, công nghệ tiêu chuẩn, hệ thống quản lý, năng lực đổi mới sáng tạo, liên kết, hợp tác.

Hiện nay, cả nước đang trong giai đoạn quyết liệt cải cách, sáp nhập để tinh gọn bộ máy hành chính. Do đó, việc sáp nhập có thể dẫn đến thay đổi cơ quan quản lý, mã số thuế, giấy phép kinh doanh, quy trình đăng ký kinh doanh, thay đổi thông tin về tài sản như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,… Việc sáp nhập tỉnh thành sẽ làm thay đổi quy mô thị trường, có thể xuất hiện cạnh tranh mạnh hơn giữa doanh nghiệp cũ và mới. Một số chính sách hỗ trợ cũ có thể bị cắt giảm hoặc thay đổi, gây khó khăn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Một số doanh nghiệp có thể gặp rủi ro về quyền sử dụng đất nếu có sự thay đổi trong quy hoạch địa phương. Các hợp đồng kinh doanh, thuê mặt bằng có thể phải đàm phán lại nếu cơ cấu hành chính thay đổi... Đây có thể là khó khăn thách thức nhưng cũng là cơ hội để doanh nghiệp liên kết từ các địa phương.

**Giải pháp nâng cao hiệu quả hỗ trợ DNNVV tại tỉnh Bến Tre trong thời gian tới**

Để các chính sách hỗ trợ DNNVV sau khi ban hành thật sự có hiệu quả, giúp cho DNNVV phát triển theo hướng tích cực, trong thời gian tới, tỉnh cần tập trung vào các giải pháp sau:

*Một là,* kiện toàn và nhanh chóng ổn định bộ máy hành chính sau sáp nhập: chính quyền địa phương cần hết sức linh động, tạo điều kiện, giảm thiểu thủ tục hành chính, tránh phát sinh các thủ tục không cần thiết cản trở quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp thuận lợi trong việc sử dụng chứng từ và tài sản. Về phía doanh nghiệp, cần theo dõi sát sao các thay đổi chính sách và linh hoạt điều chỉnh kế hoạch kinh doanh. Tăng cường số hóa và chuyển đổi mô hình kinh doanh để thích nghi với thay đổi hành chính. Đa dạng hóa thị trường và đối tác để giảm rủi ro từ sự biến động địa phương.

*Hai là,* hỗ trợ đào tạo các kiến thức cần thiết về quản trị doanh nghiệp:thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp, pháp lý, thị trường cho DNNVV thông qua việc phối hợp với các trường/trung tâm đào tạo uy tín và các doanh nhân thành đạt; xây dựng chương trình đào tạo thiết thực gắn với nhu cầu người học dựa trên kết quả khảo sát để hoạt động đào tạo hướng đến đúng đối tượng có nhu cầu.

*Ba là,* hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:cung cấp thông tin miễn phí trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bến Tre về thủ tục hành chính của các sở, ngành và địa phương. Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về các thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đất đai, môi trường, xây dựng, phòng cháy chữa cháy và tất cả thủ tục hành chính có liên quan.

*Bốn là,* hỗ trợ tài chính, tín dụng: từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách của địa phương dành cho hỗ trợ DNNVV, tỉnh cần xây dựng các kế hoạch, đề án, chương trình... trong đó có định mức hỗ trợ xây dựng dự án, phương án sản xuất kinh doanh khả thi để tiếp cận nguồn vốn tín dụng, Quỹ Đầu tư khởi nghiệp tỉnh Bến Tre và các nguồn vốn khác.

*Năm là,* hỗ trợ mặt bằng sản xuất, kinh doanh:hiện nay, Luật Đất đai mới ban hành, ràng buộc nhiều quy định khắt khe, nhiều DNNVV phải tìm địa điểm mới để xây dựng nhà xưởng nhằm đảm bảo đúng quy hoạch. Do đó, tỉnh cần ưu tiên cho DNNVV thuê mặt bằng trong các Khu, Cụm công nghiệp và có chính sách, kinh phí hỗ trợ giá thuê mặt bằng sản xuất tại các Khu, Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, thực hiện kiểm soát ổn định các chi phí sử dụng điện, nước, cước phí vận tải phù hợp để có thể giúp nhà đầu tư giảm bớt được chi phí đầu vào nhằm tăng giá trị thặng dư trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

*Sáu là,* hỗ trợ đổi mới công nghệ và sở hữu trí tuệ, bao gồm việc cung cấp kinh phí cho các dự án liên quan đến xây dựng, đăng ký, khai thác và phát triển nhãn hiệu tập thể; nhãn hiệu chứng nhận; chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm truyền thống và đặc thù của tỉnh; hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khi thực hiện các hệ thống chứng nhận phù hợp với các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, quy chuẩn quốc gia, quy chuẩn địa phương, và các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến.

*Bảy là,* hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực:DNNVV cần được miễn chi phí đào tạo kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo, kỹ năng cơ bản về quản lý và điều hành doanh nghiệp; kê khai thuế, lập kế hoạch kinh doanh, quản lý dự án đầu tư, các thủ tục pháp lý, quản trị tài chính... miễn chi phí tham gia các phiên giao dịch việc làm để tuyển dụng lao động do cơ quan chức năng của tỉnh tổ chức.

*Tám là,* hỗ trợ liên kết và mở rộng thị trường:tỉnh cần nhanh chóng hoàn thiện Kế hoạch phát triển nhóm doanh nghiệp dẫn đầu của tỉnh, từ đóhình thành các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu tàu có khả năng dẫn dắt, liên kết và vận hành hiệu quả các chuỗi giá trị cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh để thúc đẩy các DNNVV phát triển, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ thuộc các công đoạn sơ chế, doanh nghiệp thực hiện các khâu đầu tiên của chuỗi cung ứng. Ngoài ra, cần cân đối ngân sách nhà nước để hỗ trợ kinh phí khi DNNVV tham gia hội chợ, triển lãm, khảo sát, nghiên cứu thị trường...

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, HN 2001, T15, tr225. [↑](#footnote-ref-1)
2. Hồ Chí Minh, toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, H.2011, tập 14 (1963-1965), tr 577. [↑](#footnote-ref-2)
3. Hồ Chí Minh, toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, H.2011, tập 15 (1966-1969), tr 131. [↑](#footnote-ref-3)